

BÁO CÁO

**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện
dự toán ngân sách địa phương 6 tháng năm 2022**

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 2 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2022 và Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 2 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước 10.020 tỷ đồng.
- + Thu nội địa.....8.720 tỷ đồng.
- + Thu xuất nhập khẩu 1.300 tỷ đồng.
- Dự toán thu ngân sách địa phương (NSDP) 10.342,2 tỷ đồng.
- + Thu cân đối NSDP9.312,6 tỷ đồng.
- + Thu NSTW bổ sung các CT mục tiêu, nhiệm vụ:1.029,6 tỷ đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương 10.398 tỷ đồng.
- + Chi cân đối NSDP:9.368,4 tỷ đồng.
- + Chi các CT mục tiêu, nhiệm vụ:1.029,6 tỷ đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương 55,8 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng năm 2022 như sau:

I. Về thu NSNN

Tổng thu NSNN trên địa bàn 5733,3 tỷ đồng, đạt 57,2% dự toán, giảm 3% cùng kỳ, gồm:

1. Phân theo nguồn thu

- Thu nội địa: 4.941,5 tỷ đồng, đạt 56,7% dự toán, giảm 4,4% cùng kỳ.
- Thu xuất nhập khẩu: 791,8 tỷ đồng, đạt 60,9% dự toán, tăng 6,9% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố (Chỉ tính thu nội địa)

- Khối tỉnh: 3.318 tỷ đồng, đạt 50,5% dự toán, giảm 15,2% cùng kỳ;

- Khối huyện: 1.623,5 tỷ đồng, đạt 75,5% dự toán, tăng 29,2% cùng kỳ.

II. Về chi NSDP

Tổng chi NSDP: 6.164 tỷ đồng, đạt 59,3% dự toán, tăng 23,9% cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 4.574,6 tỷ đồng, đạt 48,8% dự toán, tăng 0,5% cùng kỳ, trong đó: Chi đầu tư phát triển: 1.834,5 tỷ đồng, đạt 56,8% dự toán, giảm 21,1% cùng kỳ; Chi thường xuyên: 2.723,1 tỷ đồng, đạt 45,8% dự toán, tăng 22,7% cùng kỳ.

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 1.058,3 tỷ đồng, đạt 102,9% dự toán, tăng 312,7% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố

- Khối tỉnh: 3.037,4 tỷ đồng, đạt 49,5% dự toán;

- Khối huyện: 3.126,6 tỷ đồng, đạt 73,3% dự toán.

III. Cân đối thu, chi NSDP

1. Tổng thu NSDP 8.715,5 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết 4.720,5 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ NSTW 1.196,7 tỷ đồng.

- Thu chuyển nguồn năm trước sang 2.798,3 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP 6.164 tỷ đồng.

- Chi cân đối NSDP 4.574,6 tỷ đồng.

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 1.058,3 tỷ đồng.

- Chi tạm ứng ngân sách 531,1 tỷ đồng.

3. Tồn quỹ NSDP (1-2) 2.551,5 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh 376,3 tỷ đồng.

- Ngân sách huyện, xã 2.175,2 tỷ đồng.

IV. Đánh giá

1. Kết quả đạt được

a) Về thu ngân sách: Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thị xã, thành phố; quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo thu đúng, đủ theo quy định. Các ngành, lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế phục hồi tích cực, dịch bệnh Covid-19 tiếp tục được kiểm soát tốt trên toàn tỉnh, các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đã dần khôi phục lại việc sản xuất, kinh doanh. Có 11/16 khoản thu đạt từ 50% trở lên so với dự toán, cụ thể như sau:

- Thu từ DNNN đạt 51,5% dự toán, giảm 22,9% cùng kỳ;
- Thu từ Doanh nghiệp có vốn ĐTNN đạt 55,2% dự toán, giảm 25,6% cùng kỳ;
- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 65,4% dự toán, giảm 25,6% cùng kỳ;
- Thu lệ phí trước bạ đạt 77% dự toán, tăng 22,4% cùng kỳ;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 69,4% dự toán, tăng 35% cùng kỳ;
- Thuế Thu nhập cá nhân đạt 78,2% dự toán, tăng 25,4% cùng kỳ;
- Thu phí, lệ phí đạt 64,5% dự toán, tăng 16,2% cùng kỳ;
- Thu khác ngân sách đạt 55% dự toán, giảm 32,6% cùng kỳ;
- Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích tại xã đạt 64,9% dự toán, tăng 31,9% cùng kỳ;
- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 53,7% dự toán, giảm 8,8% cùng kỳ;
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 60,9% dự toán, tăng 6,9% cùng kỳ;

Có 9/9 huyện, thị xã, thành phố có số thu đạt trên 50% dự toán, trong đó huyện Dương Minh Châu đạt cao nhất (98,7%), huyện Châu Thành đạt thấp nhất (61,7%).

b) Về chi ngân sách: Thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt 56,8% dự toán, nguyên nhân vượt tiến độ dự toán chủ yếu do phần lớn có số giải ngân tạm ứng XDCB từ nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022 (*nếu không kể chuyển nguồn đạt 42,1%*);
- Chi thường xuyên đảm bảo các nhu cầu chi theo dự toán như: an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, chi trả tiền lương và các nhiệm vụ đột xuất khác;
- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ đạt 102,9% dự toán, do có số giải ngân nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương chuyển nguồn từ năm 2021 sang 2022 để thực hiện các dự án.

2. Những khó khăn

a) Về thu ngân sách: Tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục được kiểm soát tốt. Tuy nhiên nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế và gặp nhiều khó khăn, thách thức, khó lường và làm ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước và thực hiện các quy định về miễn, giảm thuế. Do đó, có 05/16 khoản thu đạt dưới 50% so với dự toán như: Thuế bảo vệ môi trường đạt 45,7% dự toán, giảm 11,5% cùng kỳ; Thu tiền sử dụng đất đạt 42,9% dự toán, tăng 55,5% cùng kỳ; Thu tiền thuê đất đạt 22,5% dự toán, giảm 72,8% cùng kỳ; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 42,4% dự toán, giảm 19,8% cùng kỳ; Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 42% dự toán, giảm 56,3% cùng kỳ.

b) Về chi ngân sách

- Chi đầu tư phát triển từ nguồn cân đối đạt khá, vượt tiến độ dự toán. Tuy nhiên, nếu chỉ tính số giải ngân vốn XDCCB theo dự toán chi ngân sách đầu năm thì chi đầu tư XDCCB (nguồn cân đối) 6 tháng đạt thấp so với tiến độ (42% dự toán). Nguyên nhân đạt thấp chủ yếu là do: Giá xăng dầu tăng kéo theo việc tăng mạnh chi phí vận chuyển, ca máy thi công và các loại vật liệu xây dựng (như thép, xi măng, cát, đá, gạch, ...), thậm chí ở một số thời điểm, xảy ra tình trạng khan hiếm nguồn cung đối với mặt hàng xăng dầu, nhựa đường. Điều này tác động trực tiếp đến giá thành xây dựng các công trình, dự án đầu tư công. Hiện nay, các chủ đầu tư tích cực phối hợp với các nhà thầu để triển khai dự án đảm bảo tiến độ, tuy nhiên trong thời gian tới có thể xảy ra tình trạng dự án thi công chậm chùng, tạm dừng do tâm lý chờ giá nguyên vật liệu giảm xuống hoặc chờ thương thảo, điều chỉnh lại giá gói thầu dẫn đến việc chậm triển khai thi công. Ngoài ra, các dự án đang chuẩn bị đấu thầu có thể không thu hút được sự quan tâm của nhà thầu do giá gói thầu chưa cập nhật theo giá thị trường, dẫn đến việc chậm triển khai các dự án khởi công mới. Mặt khác, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, mặc dù đã được quan tâm chỉ đạo triển khai tích cực, song một số dự án việc triển khai thực hiện khởi công mới còn chậm trong khâu lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức đấu thầu, công tác lập và hoàn chỉnh hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư;

- Chi thường xuyên, ngoài lĩnh vực đạt cao so dự toán vẫn còn các khoản chi chưa đạt tiến độ dự toán, trong đó: sự nghiệp môi trường 28,8%; sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề: 41,5%; sự nghiệp y tế: 41,3%; sự nghiệp văn hóa: 36,5%; sự nghiệp phát thanh truyền hình: 22,1%; sự nghiệp thể dục thể thao: 38,3%; sự nghiệp KHCCN: 22,5%; chi quản lý hành chính: 47,3%; chi khác: 13%. Nguyên nhân chủ yếu là do một số đơn vị sử dụng ngân sách chưa chủ động triển khai thực hiện kịp thời; ngoài ra còn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên một số nội dung chi triển khai thực hiện còn chậm.

(Kèm biểu mẫu số 59, 60, 61/CK-NSNN)

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng năm 2022./.

Nơi nhận: *Nh*

- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CBTH (Đăng Công thông tin điện tử tỉnh TN);
- Sở Tài chính (Đăng Công thông tin điện tử STC);
- LDVP; KT;
- Lưu: VT. VP.

Trúc 22 5

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 246/BC-UBND ngày 14/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.020.000	8.531.588	85,1%	106,2%
I	Thu cân đối NSNN	10.020.000	5.733.269	57,2%	97,0%
1	Thu nội địa	8.720.000	4.941.503	56,7%	95,6%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.300.000	791.766	60,9%	106,9%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		2.798.319		131,6%
B	TỔNG CHI NSDP	10.396.987	5.632.891	54,2%	117,1%
I	Chi cân đối NSDP	9.368.396	4.574.607	48,8%	100,5%
1	Chi đầu tư phát triển	3.230.380	1.834.490	56,8%	78,9%
2	Chi thường xuyên	5.950.758	2.723.102	45,8%	122,7%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	314		112,5%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,0%	
5	Dự phòng ngân sách	186.258	13.655	7,3%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.028.591	1.058.284	102,9%	412,7%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	55.800	9.695	17,4%	123,6%
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	6.100	3.045	49,9%	30,5%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 246 /BC-UBND ngày 14/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.020.000	5.733.269	57,2%	97,0%
I	Thu nội địa	8.720.000	4.941.503	56,7%	95,6%
1	Thu từ khu vực DNNN	370.000	190.672	51,5%	77,1%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.180.000	651.419	55,2%	74,4%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.624.000	1.061.344	65,4%	110,0%
4	Thuế thu nhập cá nhân	870.000	680.039	78,2%	125,4%
5	Thuế bảo vệ môi trường	615.000	281.012	45,7%	88,5%
6	Lệ phí trước bạ	350.000	269.442	77,0%	122,4%
7	Thu phí, lệ phí	420.000	270.872	64,5%	116,2%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.400.000	522.061	37,3%	85,7%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000	8.333	69,4%	135,0%
-	Thu tiền sử dụng đất	988.000	423.815	42,9%	155,5%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	400.000	89.913	22,5%	27,2%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	27.000	11.455	42,4%	80,2%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	839	42,0%	43,7%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.650.000	885.461	53,7%	91,2%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.000	1.297	64,9%	131,9%
13	Thu khác ngân sách	210.000	115.590	55,0%	67,4%
II	Thu từ đầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.300.000	791.766	60,9%	106,9%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu				
2	Thuế xuất khẩu				
3	Thuế nhập khẩu				
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu				
6	Thu khác				
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHẦN CẤP	8.219.950	4.720.523	57,4%	102,7%
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%				

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số: 246/BC-UBND ngày 14/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	10.396.987	5.632.891	54,2%	117,1%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	9.368.396	4.574.607	48,8%	100,5%
I	Chi đầu tư phát triển	3.230.380	1.834.490	56,8%	78,9%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.995.780	1.719.281	57,4%	75,3%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	234.600	115.209	49,1%	278,1%
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	5.950.758	2.723.102	45,8%	122,7%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.485.320	1.031.627	41,5%	109,1%
2	Chi khoa học và công nghệ	40.670	9.142	22,5%	131,4%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	473.175	195.621	41,3%	141,4%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	116.320	42.458	36,5%	109,0%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	52.905	11.685	22,1%	149,6%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	36.130	13.849	38,3%	164,0%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	131.950	37.959	28,8%	210,7%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	789.095	391.166	49,6%	193,1%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	978.220	462.759	47,3%	105,8%
10	Chi bảo đảm xã hội	419.705	366.338	87,3%	184,4%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	314		112,5%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000		0,0%	
V	Dự phòng ngân sách	186.258	13.655	7,3%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.028.591	1.058.284	102,9%	412,7%
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	521		20,0%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.028.591	1.057.763	102,8%	416,8%
1	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	935.449	1.030.773	110,2%	524,0%
2	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	93.142	26.990	29,0%	47,3%